

CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học	Năm học: 2024-2025
Trường	Tiểu học An Lâm

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5								
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số								
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT	
I. Kết quả học tập																											
1. Tiếng Việt	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành tốt		601	118	62				116	65				114	55				133	55	1	1		120	64	1	1	
Hoàn thành		135	21	10				28	10	2			20	4			1	34	11			1	32	7			
Chưa hoàn thành		7	3					1										3	2								
2. Toán	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành tốt		612	124	65				122	65				112	55				129	54	1	1		125	65	1	1	
Hoàn thành		124	15	7				22	10	2			22	4			1	38	12			1	27	6			
Chưa hoàn thành		7	3					1										3	2								
3. Đạo đức	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành tốt		647	123	67				124	68				115	55				147	62	1	1		138	67	1	1	
Hoàn thành		96	19	5				21	7	2			19	4			1	23	6			1	14	4			
Chưa hoàn thành																											
4. TN&XH	421	421	142	72				145	75	2			134	59			1										
Hoàn thành tốt		350	117	63				117	65				116	54													
Hoàn thành		71	25	9				28	10	2			18	5			1										
Chưa hoàn thành																											
5. Khoa học	322	322																170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành tốt		278																146	62	1	1		132	67	1	1	
Hoàn thành		44																24	6			1	20	4			
Chưa hoàn thành																											
6. LS&ĐL	322	322																170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành tốt		273																145	60	1	1		128	66	1	1	
Hoàn thành		49																25	8			1	24	5			

Chưa hoàn thành																												
7. Nghệ thuật (ÂN)	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		631	122	66				121	67				115	54				138	60	1	1		135	68	1	1		
Hoàn thành		112	20	6				24	8	2			19	5			1	32	8			1	17	3				
Chưa hoàn thành																												
8. Nghệ thuật (MT)	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		634	127	69				119	66				112	54				142	61	1	1	1	134	68	1	1		
Hoàn thành		109	15	3				26	9	2			22	5			1	28	7				18	3				
Chưa hoàn thành																												
9. Hoạt động TN	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		636	124	65				122	68				114	54				141	60	1	1		135	66	1	1		
Hoàn thành		107	18	7				23	7	2			20	5			1	29	8			1	17	5				
Chưa hoàn thành																												
10. Giáo dục thể chất	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		699	135	70				136	71	2			127	58				158	64	1	1		143	68	1	1		
Hoàn thành		44	7	2				9	4				7	1			1	12	4			1	9	3				
Chưa hoàn thành																												
11. TH-CN (Công N)	456	456											134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		415											120	56				153	62	1	1		142	68	1	1		
Hoàn thành		41											14	3			1	17	6			1	10	3				
Chưa hoàn thành																												
12. TH-CN (Tin học)	743	456											134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		425											125	58				153	62	1	1		147	68	1	1		
Hoàn thành		31											9	1			1	17	6			1	5	3				
Chưa hoàn thành																												
13. Ngoại ngữ	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1		
Hoàn thành tốt		627	125	66				122	65				112	58				139	58	1	1		129	66	1	1		
Hoàn thành		115	17	6				23	10	2			22	1			1	30	9			1	23	5				
Chưa hoàn thành		1																1	1									
14. Tiếng dân tộc																												
Hoàn thành tốt																												
Hoàn thành																												
Chưa hoàn thành																												

II. Năng lực cốt lõi																										
Năng lực chung																										
Tự chủ và tự học	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		588	112	60			113	63				112	53				127	53	1	1		124	68	1	1	
Đạt		148	27	12			31	12	2			22	6			1	40	13			1	28	3			
Cần cố gắng		7	3				1										3	2								
Giao tiếp và hợp tác	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		602	112	60			112	63				119	55				129	54	1	1		130	68	1	1	
Đạt		134	27	12			32	12	2			15	4			1	38	12			1	22	3			
Cần cố gắng		7	3				1										3	2								
Giải quyết vấn đề và ST	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		580	113	60			109	62				108	53				126	53	1	1		124	68	1	1	
Đạt		156	26	12			35	13	2			26	6			1	41	13			1	28	3			
Cần cố gắng		7	3				1										3	2								
Năng lực đặc thù																										
Ngôn ngữ	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		601	114	61			115	65				112	54				130	56	1	1		130	68	1	1	
Đạt		135	25	11			29	10	2			22	5			1	37	10			1	22	3			
Cần cố gắng		7	3				1										3	2								
Tính toán	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		593	114	61			117	63				107	52				127	53	1	1		128	67	1	1	
Đạt		143	25	11			27	12	2			27	7			1	40	13			1	24	4			
Cần cố gắng		7	3				1										3	2								
Tin học	456	456										134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		395										124	56				140	59	1	1		131	68	1	1	
Đạt		59										10	3			1	28	8			1	21	3			
Cần cố gắng		2															2	1								
Công nghệ	456	456										134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		382										113	52				141	59	1	1		128	68	1	1	
Đạt		72										21	7			1	27	8			1	24	3			
Cần cố gắng		2															2	1								
Khoa học	743	743	142	72			145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		616	114	61			118	65				116	55				139	59	1	1		129	68	1	1	

Đạt		122	25	11				27	10	2			18	4			1	29	8			1	23	3			
Cần cố gắng		5	3															2	1								
Thẩm mĩ	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		621	115	62				118	67				114	54				142	59	1	1		132	69	1	1	
Đạt		117	24	10				27	8	2			20	5			1	26	8			1	20	2			
Cần cố gắng		5	3															2	1								
Thể chất	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		647	116	62				129	69	1			124	56				146	60	1	1		132	69	1	1	
Đạt		92	24	10				16	6	1			10	3			1	22	7			1	20	2			
Cần cố gắng		4	2															2	1								
III. Phẩm chất chủ yếu																											
Yêu nước	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		723	141	72				144	75	2			132	59				161	66	1	1	1	145	70	1	1	
Đạt		18	1					1					2				1	7	1				7	1			
Cần cố gắng		2																2	1								
Nhân ái	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		719	141	72				143	75	2			133	59				157	66	1	1	1	145	70	1	1	
Đạt		22	1					2					1				1	11	1				7	1			
Cần cố gắng		2																2	1								
Chăm chỉ	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		679	140	72				142	75	2			118	55				143	61	1	1	1	136	69	1	1	
Đạt		62	2					3					16	4			1	25	6				16	2			
Cần cố gắng		2																2	1								
Trung thực	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		708	140	72				143	74	2			128	57				152	65	1	1	1	145	70	1	1	
Đạt		33	2					2	1				6	2			1	16	2				7	1			
Cần cố gắng		2																2	1								
Trách nhiệm	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Tốt		692	140	72				142	75	2			125	57				147	64	1	1	1	138	69	1	1	
Đạt		49	2					3					9	2			1	21	3				14	2			
Cần cố gắng		2																2	1								
IV. Đánh giá KQGD	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
- Hoàn thành xuất		338	65	35				75	45				56	36				73	33				69	41	1	1	

- Hoàn thành tốt☐		183	41	21				30	16				31	14				43	18	1	1		38	18			
- Hoàn thành		215	33	16				39	14	2			47	9			1	51	15			1	45	12			
- Chưa hoàn thành☐		7	3					1										3	2								
V. Khen thưởng		493	93	51				102	60				85	50				114	51	1	1		99	54	1	1	
- Giấy khen cấp trường		493	93	51				102	60				85	50				114	51	1	1		99	54	1	1	
- Giấy khen cấp trên																											
VI. HSDT được trợ giảng																											
VII. HS.K.Tật		2										1				1	1				1						
VIII. HS bỏ học kỳ II																											
+ Hoàn cảnh GĐKK																											
+ KK trong học tập																											
+ Xa trường, đi lại K.khăn																											
+ Thiên tai, dịch bệnh																											
+ Nguyên nhân khác																											
IX. Chương trình lớp học☐	743	743	142	72				145	75	2			134	59			1	170	68	1	1	1	152	71	1	1	
Hoàn thành	736	736	139	72				144	75	2			134	59			1	167	66	1	1	1	152	71	1	1	
Chưa hoàn thành☐	7	7	3					1										3	2								

An Phú, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Hiệu trưởng



[Signature]
HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ THỦY